

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BG
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2022/QĐST-HNGĐ

BG, ngày 04 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu xác định mẹ cho con**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Phương Thảo

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên họp: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 101/2022/TLST-VHNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc “Yêu cầu xác định mẹ cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2022/QĐST-VHNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Thân Thị L1, sinh năm 1984.

HKTT: Thôn Đức Liễn, xã Hồng Thái, huyện VY, tỉnh BG.

Tạm trú: Lô D2, cụm Công nghiệp DK, thành phố BG, tỉnh BG.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ L2 quan:

- Cháu Lương Thị L2, sinh ngày 21/01/2004

Địa chỉ: Thôn M, xã TM, thành phố BG, tỉnh BG.

- Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn ĐL, xã HT, huyện VY, tỉnh BG

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

**** Theo đơn yêu cầu và bản tự khai trong quá trình giải quyết, người yêu cầu giải quyết việc dân sự chị Thân Thị L1 trình bày:***

Tháng 10/2002, chị và anh Lương Văn T sau một thời gian tự do tìm hiểu đã quyết định kết hôn. Chị và anh T có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương cùng tháng 10/2002. Do chị bị mất chứng minh nhân dân nên không có đủ giấy tờ để đăng ký kết hôn nên chị có mượn chị Nguyễn Thị Thanh N (là bạn đồng niên, sống cùng thôn với chị) giấy chứng minh nhân dân để hoàn thiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện YD (nay là thành phố BG). Ngày 28/10/2002, chị và anh Lương Văn T đã được UBND xã TM cấp Giấy chứng nhận kết hôn, nhưng họ tên vợ là Nguyễn Thị Thanh N và họ tên

chồng là Lương Văn T. Quá trình chị và anh T chung sống có sinh được 01 con chung là Lương Thị L2 sinh ngày 21/01/2004. Do đăng ký khai sinh phải căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn nên cháu L2 được khai sinh tên mẹ đẻ là Nguyễn Thị Thanh N. Chị khẳng định cháu Lương Thị L2 là con chung của chị và anh T. Giữa cháu L2 và chị N không có bất cứ quan hệ máu mủ nào.

Tháng 10/2021, chị, anh T và chị N đã làm đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh T và chị N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39T05 ngày 28/10/2002 của UBND xã TM, huyện YD (nay là xã TM, thành phố BG) và đã được Tòa án nhân dân thành phố BG giải quyết. Tháng 2/2022, chị có đề nghị Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền (Công ty Gentis) xét nghiệm ADN giữa chị và cháu L2 vì chị muốn làm thủ tục đính chính giấy khai sinh cho cháu L2. Nay chị yêu cầu Tòa án xác định chị (Thân Thị L1) là mẹ đẻ của cháu Lương Thị L2, sinh ngày 21/01/2004 theo Giấy khai sinh số 26T33 ngày 20/2/2004 của UBND xã TM, huyện YD (nay là thành phố BG), tỉnh BG.

**** Tại Bản tự khai ngày 15/4/2022, người có quyền và nghĩa vụ L2 quan chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:***

Chị là bạn bè cùng thôn với chị Thân Thị L1, sinh năm 1983, địa chỉ: thôn ĐL, xã HT, huyện VY, tỉnh BG. Tháng 10/2002, chị L1 có hỏi mượn chị giấy chứng minh nhân dân và nói là có việc cá nhân. Do chị L1 là bạn bè thân thiết với chị nên chị đồng ý cho chị L1 mượn giấy chứng minh nhân dân mà không hỏi kỹ lý do.

Sau một thời gian (cụ thể ngày tháng năm nào thì chị không nhớ), chị L1 nói với chị là chị L1 dùng chứng minh nhân dân của chị để đăng ký kết hôn với anh Lương Văn T tại UBND xã TM, huyện YD (nay là thành phố BG). Do tại Giấy chứng nhận kết hôn của chị L1 và anh T thể hiện tên vợ là Nguyễn Thị Thanh N và thể hiện tên chồng là Lương Văn T nên tại giấy khai sinh con chung của chị L1 và anh T cũng thể hiện tên mẹ là Nguyễn Thị Thanh N và thể hiện tên bố là Lương Văn T. Do thiếu hiểu biết và nghĩ việc này cũng không ảnh hưởng gì nên chị không có ý kiến gì. Chị khẳng định chị không có tình cảm gì cũng không chung sống cùng anh Lương Văn T, không có con chung nào với anh T. Anh T có 01 con chung với chị Thân Thị L1 là cháu Lương Thị L2 sinh ngày 21/01/2004.

Nay chị L1 có đơn yêu cầu Tòa án xác định chị L1 là mẹ đẻ của cháu Lương Thị L2, sinh ngày 21/01/2004 theo Giấy khai sinh số 26T33 ngày 20/2/2004 của UBND xã TM, huyện YD (nay là thành phố BG), tỉnh BG, quan điểm của chị là nhất trí.

**** Tại bản tự khai ngày 15/4/2022, người có quyền và nghĩa vụ L2 quan cháu Lương Thị L2 trình bày:***

Cháu là con gái bố Lương Văn T và mẹ Thân Thị L1. Cháu sống cùng bố T, mẹ L1 tại thôn M, xã TM, thành phố BG, tỉnh BG. Từ bé, cháu được bố mẹ nuôi dạy ăn học, lo lắng cho cháu mọi thứ. Mọi thủ tục cần giấy tờ cần thiết cho việc học của cháu đều do bố mẹ cháu đem nộp cho nhà trường nên cháu không biết các giấy tờ của cá nhân cháu (như giấy khai sinh, học bạ...) tên bố mẹ cháu có sai sót gì về giấy tờ hay không.

Đến khi cháu lên lớp 10 (tháng 9/2020), cháu chuẩn bị các giấy tờ cá nhân để làm thủ tục nhập học thì cháu thấy tại giấy khai sinh của cháu thể hiện tên bố là Lương Văn T và tên mẹ là Nguyễn Thị Thanh N. Cháu có hỏi bố mẹ cháu thì mới biết sự việc khi bố mẹ cháu đăng ký kết hôn có mượn giấy chứng minh nhân dân của cô N (là bạn mẹ cháu) để đăng ký kết hôn, do vậy nên tại giấy khai của cháu thể hiện tên mẹ là Nguyễn Thị Thanh N và thể hiện tên bố là Lương Văn T. Cháu khẳng định không biết cô Nguyễn Thị Thanh N là ai. Cháu chưa gặp cô N bao giờ, không cùng chung sống với cô N thời gian nào.

Nay mẹ cháu (Thân Thị L1) yêu cầu Tòa án xác định Thân Thị L1 là mẹ đẻ của cháu (Lương Thị L2), sinh ngày 21/01/2004 theo Giấy khai sinh số 26T33 ngày 20/2/2004 của UBND xã TM, huyện YD (nay là thành phố BG), tỉnh BG thì quan điểm của cháu là nhất trí, vì đây là sự thật. Cháu và mẹ cháu đã làm giám định ADN và nộp cho Tòa án để xem xét giải quyết.

**** Tại Biên bản làm việc ngày 15/4/2022, anh Lương Văn T - bố đẻ cháu Lương Thị L2 trình bày:***

Năm 2002, anh và chị Thân Thị L1 có quan hệ tình cảm với nhau và có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương tháng 10/2002. Khi anh và chị L1 đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện YD (nay là thành phố BG) thì chị L1 có nói với anh là bị mất chứng minh nhân dân nên mượn chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị Thanh N để hoàn thiện thủ tục đăng ký kết hôn. Do vậy tại Giấy chứng nhận kết hôn số 39T05 ngày 28/10/2002 của UBND xã TM, huyện YD (nay thành phố BG), tỉnh BG thể hiện họ tên vợ là Nguyễn Thị Thanh N và họ tên chồng là Lương Văn T. Do đó tại giấy khai sinh con chung của chị L1 và anh cũng thể hiện tên mẹ là Nguyễn Thị Thanh N và thể hiện tên bố là Lương Văn T. Anh và chị L1 vì thiếu hiểu biết và nghĩ việc này cũng không ảnh hưởng gì nên không ai có ý kiến gì. Anh khẳng định, anh không có quan hệ tình cảm cũng không chung sống cùng chị N thời gian nào, anh và chị N không có con chung nào. Cháu Lương Thị L2 là con chung của anh và chị Thân Thị L1.

Tháng 10/2021, anh, chị L1 và chị N đã làm đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Nguyễn Thị Thanh N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39T05 ngày 28/10/2002 của UBND xã TM, huyện YD (nay là thành phố BG)

và đã được Tòa án nhân dân thành phố BG giải quyết. Nay anh biết chị L1 có yêu cầu Tòa án xác định chị L1 là mẹ đẻ của cháu Lương Thị L2, sinh ngày 21/01/2004 theo Giấy khai sinh số 26T33 ngày 20/2/2004 của UBND xã TM, huyện YD (nay là thành phố BG), tỉnh BG, quan điểm của anh là nhất trí.

**** Tại Văn bản số 27/2022/CV-GEN ngày 12/4/2022, Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền (Công ty Gentis) cung cấp như sau:***

Vào ngày 27/02/2022, nhân viên thu mẫu của điểm thu mẫu Công ty Gentis tại BG đã hoàn thiện hồ sơ và thu mẫu để tiến hành xét nghiệm ADN của chị Thân Thị L1, sinh ngày 10/08/1984 và cháu Lương Thị L2, sinh ngày 21/01/2004. Quy trình thu mẫu được tiến hành như sau: Chị Thân Thị L1, cháu Lương Thị L2 được nhân viên thu mẫu của điểm thu mẫu Gentis tại BG trực tiếp thu mẫu máu, chụp ảnh, lăn dấu vân tay và chụp các giấy tờ cá nhân theo đúng thông tin đã khai trên phiếu yêu cầu phân tích ADN theo thủ tục hành chính pháp lý. Trên phiếu yêu cầu phân tích ADN có đầy đủ chữ ký của chị Thân Thị L1 và cháu Lương Thị L2. Kết quả phân tích ADN: Hội đồng khoa học Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền Gentis kết luận: Chị Thân Thị L1, sinh ngày 10/08/1984 và cháu Lương Thị L2, sinh ngày 21/01/2004 có quan hệ huyết thống “Mẹ - Con”.

* Tại phiên họp hôm nay, chị L1, chị N và cháu L2 đều xin vắng mặt.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết việc dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:***

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ L2 quan chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Thân Thị L1 về việc xác định chị L1 là mẹ đẻ của cháu Lương Thị L2, sinh ngày 21/01/2004 theo Giấy khai sinh số 26T33 ngày 20/2/2004 của UBND xã TM, huyện YD (nay là thành phố BG), tỉnh BG. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị L1 phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố BG nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Thân Thị L1 có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc xác định chị là mẹ đẻ của cháu Lương Thị L2, sinh

ngày 21/01/2004 theo Giấy khai sinh số 26T33 ngày 20/2/2004 của UBND xã TM, huyện YD (nay là thành phố BG), tỉnh BG nên xác định quan hệ pháp luật là "*Yêu cầu xác định mẹ cho con*" theo quy định tại khoản 10 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L1 hiện đang làm việc, tạm trú tại thành phố BG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người yêu cầu giải quyết việc dân sự và người có quyền lợi và nghĩa vụ L2 quan: Do người yêu cầu giải quyết việc dân sự và người có quyền lợi và nghĩa vụ L2 quan đều xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành phiên họp theo khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Thân Thị L1 thì thấy:

Quá trình tham gia tố tụng, chị Thân Thị L1, chị Nguyễn Thị Thanh N, cháu Lương Thị L2 và anh Lương Văn T đều có lời khai xác định: Tháng 10/2002, sau một thời gian tự do tìm hiểu, chị Thân Thị L1 và anh Lương Văn T được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Do bị mất giấy chứng minh nhân dân nên chị L1 đã mượn giấy chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị Thanh N để thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã TM. Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 39T05 ngày 28/10/2002 của UBND xã TM, huyện YD (nay là xã TM, thành phố BG), tỉnh BG thể hiện họ tên vợ là Nguyễn Thị Thanh N và họ tên chồng là Lương Văn T. Quá trình chung sống, chị L1 và anh T có 01 con chung là cháu Lương Thị L2, sinh ngày 21/01/2004. Do đăng ký khai sinh phải căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn nên tại Giấy khai sinh số 26T33 ngày 20/2/2004 của UBND xã TM, huyện YD (nay là thành phố BG), tỉnh BG thể hiện tên mẹ là Nguyễn Thị Thanh N. Thực tế, anh T và chị N không cùng chung sống, không có quan hệ tình cảm gì với nhau. Người vợ cùng tổ chức cưới hỏi và chung sống cùng anh T là chị L1. Cháu L2 khẳng định chưa gặp chị N bao giờ, không cùng chung sống với chị N thời gian nào. Kết quả phân tích ADN của Hội đồng khoa học Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền Gentis kết luận: Chị Thân Thị L1, sinh ngày 10/08/1984 và cháu Lương Thị L2, sinh ngày 21/01/2004 có quan hệ huyết thống "Mẹ - Con". Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 89, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Thân Thị L1 về việc xác định chị là mẹ đẻ của cháu Lương Thị L2, sinh ngày 21/01/2004 theo Giấy khai sinh số 26T33 ngày 20/2/2004 của UBND xã TM, huyện YD (nay là thành phố BG), tỉnh BG.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L1 phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 89, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xác định chị Thân Thị L1 sinh năm 1984 là mẹ đẻ của cháu Lương Thị L2, sinh ngày 21/01/2004 theo Giấy khai sinh số 26T33 ngày 20/2/2004 của UBND xã TM, huyện YD (nay là thành phố BG), tỉnh BG.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Thân Thị L1 phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0001551 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh BG. Xác nhận chị L1 đã thi hành xong lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định. Chị Thân Thị L1, cháu Lương Thị L2 và chị Nguyễn Thị Thanh N có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.BG;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Phương Thảo